TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La
2. Ông Trần Thành Đô

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hà Quý Đôn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 376/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2025 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Long Thị X, sinh năm 1997 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1994 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

(Chị X vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/7/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Long Thị X trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình P được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L vào ngày 21/11/2016. Gia

đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới, chị về nhà anh P làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình anh P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau về quan điểm sống, anh P hay cờ bạc, chị có khuyên can thì anh P đánh chị và nói xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị. Kể từ ngày 10/5/2024, chị và anh P sống ly thân cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nên nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình P.

- Về con chung: Quá trình chung sống, giữa chị và anh P có 02 con chung là Nguyễn Tường Trâm A, sinh ngày 15/02/2017 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 03/9/2018. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung Nguyễn Tường Trâm A, sinh ngày 15/02/2017 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 03/9/2018 cho anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Đình P trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý, triệu tập đến làm việc, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa song anh P không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án. Anh P tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

* Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Tường Trâm A là con chung của chị X, anh P trình bày tại biên bản lấy lời khai tại như sau: Cháu hiện đang ở cùng bố và bà nội, cháu có nguyện vọng được ở cùng bố.

* Tại biên bản xác minh của Tòa án với bà Lẻo Thị L (mẹ đẻ của anh P), bà L cho biết như sau: Bà là mẹ đẻ của anh P. Năm 2016, chị X và anh P kết hôn với nhay, sau khi kết hôn, chị X về nhà bà làm dâu. Quá trình chung sống, gia đình bà không thấy chị X anh P có mâu thuẫn. Tuy nhiên, chị X bỏ đi làm từ tháng 5 năm 2024 đến nay không chung sống cùng anh P. Anh P hiện đi làm lái máy cẩu. Giữa anh P và chị X có 02 con chung là Nguyễn Tường Trâm A, sinh năm 2017 và Nguyễn Minh N, sinh năm 2018. Hiện nay cả 02 cháu đang ở cùng anh P và gia đình bà. Các cháu mạnh khỏe, phát triển bình thường. Nay chị X xin ly hôn anh P thì quan điểm của gia đình bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, các cháu đang ở ổn định cùng gia đình bà, bà

đề nghị Tòa án giao con chung cho anh P nuôi dưỡng, bà và gia đình vẫn hỗ trợ đưa đón chăm sóc các cháu đi học.

* Tại Biên bản xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương thì đại diện chính quyền địa phương cho biết: Anh P là công dân sinh sống tại địa phương, năm 2016, anh P có đăng ký kết hôn với chị X. Quá trình chung sống, địa phương không nắm được vợ chồng anh P, chị X có mâu thuẫn. Giữa anh P, chị X có 02 con chung là Nguyễn Tường Trâm A, sinh năm 2017 và Nguyễn Minh N, sinh năm 2018. Hiện nay anh P đi làm tự do, chị X không sinh sống cùng anh P từ giữa năm 2024. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị X có đơn từ chối hòa giải và xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá thực trạng mâu thuẫn của chị X và anh P đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng ly thân khoảng thời gian dài đến nay vợ chồng không thể chung sống do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị X được ly hôn anh P. Về con chung, giao 02 con chung là Nguyễn Tường Trâm A, sinh năm 2017 và Nguyễn Minh N, sinh năm 2018 cho anh P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung chị X không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị X phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị X đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Long Thị X yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Đình P và yêu cầu giải quyết về nuôi con nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con là những tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh. Chị X có đơn khởi kiện xin ly hôn anh P, do bị đơn anh P cư trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nên Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị X vắng mặt tại phiên toà có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn được UBND xã T, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/2016 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua lời khai của chị X thì thấy cuộc sống vợ chồng chị X và anh P có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh P hay cờ bạc, chị X khuyên can thì anh P đánh và nói những lời nói xúc phạm danh dự và nhân phẩm của chị. Qua xác minh với gia đình và địa phương thì từ tháng 5 năm 2024, chị X và anh P sống ly thân cho đến nay. Bản thân chị X xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị kiên quyết yêu cầu ly hôn anh P. Anh P đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt và không gửi đến Toà án văn bản tài liệu gì nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị X thể hiện anh không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị X. Điều này cho thấy tình cảm giữa chị X và anh P đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chị X yêu cầu xin ly hôn với anh P là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về con chung: Chị X và anh P có 02 con chung là Nguyễn Tường Trâm A, sinh ngày 15/02/2017 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 03/9/2018. Khi ly

hôn, chị X đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh P là người nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh với gia đình bị đơn và chính quyền địa phương thì xác định kể từ khi vợ chồng chị X anh P sống ly thân thì cả 02 con chung đều ở cùng anh P và nguyện vọng của cháu Nguyễn Tường Trâm A muốn ở cùng bố, Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như để ổn định, không gây xáo trộn cuộc sống của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Tường Trâm A, sinh ngày 15/02/2017 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 03/9/2018.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị U phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căc cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Long Thị X được ly hôn anh Nguyễn Đình P.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Tường Trâm A, sinh ngày 15/02/2017 v à Nguyễn Minh N, sinh ngày 03/9/2018 cho anh Nguyễn Đình P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị X không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị X thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Long Thị X1 phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003442 ngày 13/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị X đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị X, anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Tiên Lục;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lê Văn La + Ngô Thị Mai

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thiêm

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Xuân Hương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm